TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 896/2024/HC-PT
Ngày 23 - 8 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 570/2024/TLPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2714/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1955. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ B, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

2. Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Chủ tịch UBND phường K, thành phố T.

Địa chỉ: khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đặng Thái H1 – Phó Chủ tịch UBND phường K, thành phố T. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số: 01/UQ-UBND ngày 24/10/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường K, thành phố T.

Địa chỉ: khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thái H1 – Phó Chủ tịch UBND phường K, thành phố T. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số: 02/UQ-UBND ngày 24/10/2023).

2. Bà Phan Thị L, sinh năm 1964. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1955. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Tổ B, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 16/11/2023).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Phan Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/7/2023, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện ông Phan Văn H *trình bày:*

Ông Phan Văn H là chủ sử dụng hợp pháp đối với phần đất có diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc phần đất này là do ông H được nhà nước giao quyền sử dụng vào năm 1988 theo Quyết định của Uỷ ban nhân dân xã (nay là phường) K ký ngày 08/04/1989. Từ thời điểm được nhà nước giao đất đến nay, ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất nêu trên và không có tranh chấp với bất cứ ai.

Quá trình quản lý, sử dụng đất, vào năm 1998 nhà nước có chính sách cấp sổ đại trà cho người dân. Ông H đã tiến hành kê khai đăng ký cấp sổ đối với các phần đất nêu trên và được Hội đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp chứng nhận kê khai đăng ký sử dụng đất đối với các thửa đất tại K, trong đó bao gồm luôn các thửa đất 572, 573, 574, 576, 586. Tuy nhiên, không hiểu lý do gì mà các thửa đất nêu trên bị sót, chưa được cấp cho ông H. Sau đó, do hoàn cảnh gia đình chưa đảm bảo nên ông H chưa thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung các phần đất này. Tuy nhiên, ông H vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng các phần đất này để trồng hoa màu từ xưa đến nay. Quá trình quản lý phần các phần đất có diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

+ Từ năm 1988 – 2014: Gia đình ông H trồng hoa màu trên phần đất này;

+ Từ năm 2014 – 2016: Do ông H bị bệnh nặng, không thể trực tiếp quản lý, sản xuất trên đất nên ông H cho con trai của bà Nguyễn Thị Đ (chỉ biết tên L1) canh tác nhờ trên đất;

+ Từ năm 2016 đến năm 2017: Gia đình bà Nguyễn Thị Đ trả lại đất cho gia đình ông H tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này.

+ Từ năm 2018 đến năm 2020: Do sức khoẻ cũng chưa ổn định nên ông H giao cho ông Nguyễn Thanh H2 quản lý nhờ phần đất này.

+ Từ năm 2020 đến cuối năm 2021: Ông Nguyễn Thanh H2 giao phần đất này lại cho ông H2 tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này.

Hiện nay, do có nhu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất bị sót nên ông H2 đã gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường K để đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với các phần đất có diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại phường K, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân phường K phớt lờ đi, không thực hiện thủ tục cấp sổ theo yêu cầu của ông H2.

Đã rất nhiều lần ông H2 liên hệ trực tiếp với Ủy ban nhân dân phường K để yêu cầu cơ quan tiến hành xác minh, thẩm tra, lập hồ sơ hoàn tất thủ tục, đồng thời kiến nghị lên các cơ quan cấp trên có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường K vẫn không có bất kỳ văn bản nào trả lời ông H2.

Vào khoảng tháng 09/2021, Ủy ban nhân dân phường K tự ý điều động cán bộ, nhân viên đến rào phần đất mà ông H2 đang trực tiếp quản lý sử dụng thuộc các thửa 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37, ngăn cản việc sử dụng các phần đất thuộc quyền sử dụng của ông H2.

Ông H2 liên hệ Ủy ban nhân dân phường K, yêu cầu trả lời về việc giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Ủy ban nhân dân phường K giao cho Công văn số 260/BC-UBND ngày 19/08/2022 của Ủy ban nhân dân phường K. Theo công văn nêu trên, Ủy ban nhân dân phường K trả lời rằng:

"*Ngày 26/5/2022,* UBND phường K *đã ban hành Thông báo số 161/TB-UBND về kết quả kiểm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông* Phan Văn H *đối với các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587 thuộc tờ bản đồ số 37, trong đó nêu rõ các thửa đất nêu trên có nguồn gốc do ông* H *khai hoang là không đúng, do vậy UBND phường không có cơ sở để xem xét giải quyết theo yêu cầu của ông* Phan Văn H*"*.

Đồng thời cũng theo công văn thì ngày 30/05/2022 UBND phường K đã giao Thông báo số 161/TB-UBND ngày 26/05/2022 cho ông H. Tuy nhiên đến nay ông H vẫn không nhận được bất kỳ thông báo nào từ Ủy ban nhân dân phường K. Đến nay hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 thuộc tờ bản đồ số 37 vẫn chưa được giải quyết.

Ngày 12/01/2023, ông H có Đơn khiếu nại UBND phường K.

Ngày 10/03/2023, ông H nhận được Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 124/QĐ- UBND ngày 27/02/2023 của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc trả lời khiếu nại của ông Phan Văn H. Theo đó, Ủy ban nhân dân phường K kết luận là khiếu nại của ông H là khiếu nại sai, không có căn cứ nên không chấp nhận khiếu nại của ông H về việc khiếu nại Ủy ban nhân dân phường K có hành vi chiếm giữ trái phép tài sản và không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đối với phần đất có diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Lý do Ủy ban nhân dân phường K đưa ra vẫn là phần đất có diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37 mà ông H đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc đất công, đã được công nhận đất công theo Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 và Quyết định số 2159/QĐ- UBND ngày 19/7/2021 của Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên.

Trước Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân phường K, ông H không đồng ý. Bởi lẽ, đây là đất do ông H được Nhà nước giao quyền sử dụng vào năm 1988 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân phường K ký ngày 08/04/1989 và ông H cũng là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất nêu trên và không có tranh chấp với bất cứ ai từ thời điểm được giao đất cho đến nay.

Không thống nhất với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 124/QĐ-UBND ngày 27/2/2023 của Ủy ban nhân dân dân phường K ông H đã khiếu nại Quyết định này đến Ủy ban nhân dân thành phố T, yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại của ông H. Theo đó, ngày 12/6/2023, ông H nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T, giải quyết khiếu nại của ông H. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố T kết luận khiếu nại của ông H là khiếu nại sai và vẫn giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 124/QĐ-UBND ngày 27/2/2023 của Ủy ban nhân dân dân phường K.

Vì những lý do nêu trên, ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H (lần hai).

- Hủy Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của UBND xã K đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Hủy một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất

do nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

** Tại Công văn số 3825/UBND-NC ngày 29/11/2023, người bị kiện* UBND thành phố T*, Chủ tịch* UBND thành phố T *trình bày:*

I. Đối với việc ban hành Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H (lần hai).

1. Nội dung và yêu cầu khiếu nại

Theo đơn đề ngày 17/3/2023; Biên bản làm việc ngày 05/4/2023 và Biên bản làm việc ngày 14/4/2023 với Thanh tra thành phố T và UBND phường K, ông Phan Văn H khiếu nại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Phan Văn H.

Ông Phan Văn H yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố:

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H;

- Chỉ đạo UBND phường K trả lại cho ông quyền sử dụng đối với phần diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37 tại phường K *(giảm 02 thửa đất số 571 và 587 do khai nhầm với thửa đất kế bên của ông* Mai Văn Q) và thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H theo đúng quy định pháp luật.

2. Kết quả giải quyết của người đã giải quyết khiếu nại lần đầu

- Ngày 14/3/2022, ông Phan Văn H có đơn khiếu nại về việc không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37, tại phường K.

- Ngày 26/5/2022, UBND phường K ban hành Thông báo số 161/TB-UBND về kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Theo đó, UBND phường xét thấy việc ông Phan Văn H kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất số 573, 574, 576, 586, 571, 572, 587, tờ bản đồ 37 có nguồn gốc là do ông H khai hoang là không đúng. Do đó, hồ sơ đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Sau đó, ông Phan Văn H có đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp với UBND phường K đối với các thửa đất số 573, 574, 576, 586, 571, 572, 587, tờ bản đồ 37 tọa lạc tại khu phố L, phường K. Ngày 07/12/2022, UBND phường K tổ chức hòa giải với ông Phan Văn H, kết quả: hòa giải không thành.

- Ngày 12/01/2023, ông Phan Văn H có đơn khiếu nại UBND phường K về hành vi chiếm giữ trái phép và không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đối với phần đất diện tích khoảng 2.000 m² thuộc các thửa đất nêu trên.

- Ngày 27/02/2023, Chủ tịch UBND phường K ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu). Theo đó, khiếu nại của ông Phan Văn H là khiếu nại sai. Việc UBND phường K không thực hiện các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H là đúng quy định pháp luật.

Không đồng ý với kết quả giải quyết lần đầu của Chủ tịch UBND phường K nêu trên, ông H tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND thành phố T.

3. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại

3.1. Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng của ông Phan Văn H

Ông Phan Văn H trình bày và UBND phường K cho biết:

- Sau năm 1975, UBND xã K tiếp quản, quản lý các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587 tờ bản đồ 37. Sau khi tiếp quản, UBND xã K giao cho Đội du kích của xã trực tiếp quản lý, sản xuất nuôi quân. Đến năm 1987, thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán, UBND xã đã khoán cho các xã viên trong Tập đoàn 3 để sản xuất, sau đó đến năm 1988 tập đoàn giải tán, UBND xã K tiếp tục quản lý phần đất này *(theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn* xã K *ngày 19/8/2012; Biên bản lấy ý kiến của* UBND xã K *ngày 27/9/2012; Báo cáo số 30/BC-TXM ngày 21/02/2023 của Tổ xác minh*).

- Ngày 13/8/1988, ông Phan Văn H có đơn xin ruộng đất và được cơ quan Ban T2 (nơi ông H đang công tác) xác nhận ngày 17/8/1988.

- Ngày 08/4/1989, trên cơ sở cuộc họp Chi ủy Chi bộ xã K (ngày 28/3/1989) xét thấy hoàn cảnh gia đình ông H khó khăn, là thương binh, có công với cách mạng, UBND xã K ban hành Quyết định cấp 20 sào đất ruộng thuộc Hốc C, ấp D (nay là khu phố L) để canh tác. Ông Phan Văn H là gia đình thương binh, có công với cách mạng nên được giao đất nhưng không phải thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước.

- Ông Phan Văn H trình bày tại Biên bản làm việc ngày 14/4/2023 với Thanh tra thành phố: Sau khi được giao đất, từ năm 1989 đến năm 2014, gia đình ông Phan Văn H canh tác, trồng hoa màu trên đất.

Từ năm 2014-2018, ông H cho ông Nguyễn Văn N thuê lại để sản xuất và từ năm 2018-2020, cho ông Nguyễn Thanh H2 (quê ở miền T, tạm trú tại khu phố K) sản xuất. Việc cho thuê này không có trả chi phí hay hoa lợi. Từ năm 2020 đến nay, đất để trống.

- Tại Biên bản làm việc của UBND phường K với ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1974, ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969, cùng ngụ tại tổ C, khu phố L; ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1969, ngụ tại khu phố K, phường K ngày 13/02/2023 về xác minh thời điểm sử dụng đất của ông Phan Văn H đối với các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37: các ông cho biết năm 1998 ông H cho ông N thuê đất để làm ruộng, trả tiền thuê đất được quy đổi

thành số lượng lúa, đến khoảng năm 2004-2005, ông N trả lại đất. Đến năm 2008 ông H cho ông Đ1 thuê trồng lúa, hoa màu, không có trả tiền hay lúa, đến năm 2011 thì trả lại đất cho ông H. Năm 2019 ông Phan Văn H cho ông Nguyễn Thanh H2 thuê đất trồng hoa màu, đến năm 2020 thì trả lại.

3.2. Về hiện trạng và quá trình quản lý của địa phương

Tại Biên bản làm việc ngày 14/4/2023 với Thanh tra thành phố T, UBND phường K cho biết:

- Sau khi được giao đất, ông Phan Văn H sản xuất nông nghiệp một vài năm; sau đó cho ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Nguyễn Văn N thuê lại để sản xuất vào khoảng năm 1998 đến 2008 (*Biên bản xác minh ngày 13/02/2023 của* UBND phường K*)*.

- Năm 2003, UBND xã K có mời các hộ dân có nhu cầu thuê đất để sản xuất nông nghiệp, trong đó có hộ ông H. Ông H đến dự làm việc nhưng không đồng ý ký hợp đồng thuê đất *(*UBND phường K *cung cấp 04 hợp đồng thuê đất công của xã cùng ngày 24/4/2003 đối với các hộ* Mai Văn Q, Nguyễn Châu T, Đỗ Văn B, Đỗ Văn C*)*.

- Đến cuối năm 2008, UBND xã K giao phần đất này cho Ban chỉ huy Quân sự xã K quản lý.

- Vào các ngày 23/8/2012 và ngày 28/12/2012, UBND xã K có tiếp nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H đối với phần diện tích 3.408 m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 581, 582, 583, 584, 586, 587, tờ bản đồ số 37 (theo kết quả xác minh nêu tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K).

- Ngày 31/12/2014, UBND phường K có Biên bản làm việc với ông Phan Văn H về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại buổi làm việc, UBND phường thống nhất các thửa 581, 582, 583, 584, tờ bản đồ số 37 với diện tích 1.256,9m² là do ông H khai hoang, phần diện tích còn lại là 2.133,2m² gồm các thửa 572, 573, 574, 576, tờ bản đồ số 37, UBND phường sẽ trình UBND thị xã T đưa vào quản lý đất công ích của địa phương. Ông H thống nhất với nội dung biên bản làm việc nhưng không đồng ý ký tên.

- Ngày 18/5/2016, UBND phường K có Biên bản làm việc với ông Phan Văn H. Tại buổi làm việc, ông H cho biết:*"...Đối với phần diện tích đã được UBND xã cho tôi canh tác khoảng 20 sào thì tôi xin tiếp tục sử dụng đến khi tôi qua đời thì tôi xin trả lại phần đất này cho phường để UBND phường quản lý..."*.

- Ngày 26/7/2016, Ban chấp hành Đảng bộ phường K có cuộc họp nghe UBND phường thông qua báo cáo kết quả giải quyết đơn của ông Phan Văn H, theo đó Ban chấp hành Đảng bộ thống nhất xét cấp GCNQSDĐ cho ông H đối với các thửa đất số 581, 582, 583, 584, tờ bản đồ số 37 tại khu phố L, phường K, nguồn gốc đất khai hoang phục hóa thêm, không nằm trong phần đất UBND xã giao cho ông H sản xuất nông nghiệp trước đây.

- Trên cơ sở Tờ trình số 257/TTr-PTN&MT ngày 26/02/2018 của Phòng T3, ngày 05/3/2018, UBND thị xã T ban hành Quyết định số 861/QĐ-UBND về

việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Phan Văn H đối với các thửa đất số 581, 582, 583, 584, tờ bản đồ 37, tổng diện tích 1.196,5 m² tọa lạc tại khu phố L, phường K. Do các thửa đất này có nguồn gốc trước đây là ông H khai hoang nằm ngoài diện tích đất công phường quản lý. Tuy nhiên, các thửa đất số 581, 582, 583, 584 tờ bản đồ số 37 tại khu phố L, phường K nêu trên hiện đang nằm trong danh sách đất do Nhà nước quản lý theo Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T.

Phần diện tích còn lại thuộc các thửa đất số 586, 571, 572, 573, 574, 576 không được cấp, do là đất công UBND phường K đang quản lý.

- Hiện trạng đất ông H đang khiếu nại: Qua kiểm tra thực tế, hiện trạng là đất trống, UBND phường K đã cho xây hàng rào bằng trụ sắt, lưới B40 bao quanh khu đất (xây dựng vào khoảng tháng 12/2021).

3.3. Về thiết lập hồ sơ quản lý đất công ở địa phương

Qua làm việc, UBND phường K cho biết:

- Căn cứ Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện T về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của UBND xã K. Theo đó, có hai thửa đất là thửa số số 571 và thửa đất số 587, tờ bản đồ 37 tại ấp D (nay là khu phố L) nằm trong danh sách đất công do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, qua làm việc 02 thửa đất này ông H không khiếu nại, không yêu cầu xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm này, các thửa còn lại là 572, 573, 574, 576, 586 chưa được phê duyệt vào danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý vì địa phương đang giải quyết việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H có liên quan đến các thửa đất nêu trên, nên UBND xã không đưa vào danh sách đất công ích do địa phương quản lý.

- Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương và Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo đó, có các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ 37, tọa lạc tại khu phố L, phường K với tổng diện tích 2.146,5m² theo đơn khiếu nại của ông Phan Văn H nằm trong danh sách đã được phê duyệt quỹ đất do Nhà nước quản lý.

Địa phương đã thực hiện công khai Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã trên Đài truyền thanh của phường, niêm yết tại trụ sở UBND phường và niêm yết tại Văn phòng của các khu phố (*Thông báo số 125/TB-UBND ngày 20/3/2018 của* UBND phường K *về việc công bố, công khai Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của* UBND tỉnh B *và biên bản niêm yết công khai Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của* UBND phường K*; Thông báo*

số 342/TB-UBND ngày 20/7/2021 của UBND phường K *về việc công bố, công khai Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của* UBND thị xã T *cùng biên bản niêm yết công khai ngày 20/7/2021).*

3.4. Kết quả đối thoại

Ngày 19/5/2023, Bí thư Thành ủy (dự) và Lãnh đạo UBND thành phố chủ trì, cùng với các ngành của UBND thành phố T đã tổ chức đối thoại với ông Phan Văn H. Tại buổi đối thoại, Lãnh đạo UBND thành phố và các thành phần tham dự đã giải thích cho ông Phan Văn H hiểu rõ việc khiếu nại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu) và yêu cầu thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37 tại phường K cho ông Phan Văn H là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Trường hợp ông Phan Văn H không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố thì có quyền khởi kiện theo quy định. Ông Phan Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu và nội dung khiếu nại.

4. Kết luận

4.1. Về yêu cầu hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K *về giải quyết đơn khiếu nại của ông* Phan Văn H *(lần đầu) là không có cơ sở xem xét, giải quyết, vì*:

Chủ tịch UBND phường K đã thụ lý, tiến hành xác minh, tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

4.2. Đối với yêu cầu UBND phường K *trả lại cho ông quyền sử dụng đối với phần diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37 tại* phường K *(giảm 02 thửa đất số 571 và 587 do khai nhầm với thửa đất kế bên của ông* Mai Văn Q*) và thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ ông theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở xem xét, giải quyết, vì:*

- Về nguồn gốc đất: Các thửa đất số 572, 753, 574, 576, 586 (*và cả 02 thửa đất số 571, 587 ông* H *không khiếu nại*) có nguồn gốc là do trước đây do Nhà nước thu hồi của chế độ cũ để lại sau năm 1975. Sau giải phóng, địa phương tiếp quản, quản lý và đưa vào Tập đoàn 3 để sản xuất theo Chỉ thị 100 của Ban về khoán đến nhóm và người lao động. Sau khi tập đoàn giải thể, UBND xã tiếp tục quản lý phần diện tích này cho đến nay và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý theo Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T.

Căn cứ theo đơn xin giao đất ngày 13/8/1988 và cuộc họp Chi ủy Chi bộ xã K ngày 28/3/1989 (*không có hồ sơ chứng minh mà chỉ ghi trên Quyết định),* xét thấy hoàn cảnh gia đình khó khăn, lại là thương binh, ngày 08/4/1989, UBND xã K đã ban hành Quyết định giao 20 sào đất cho ông H sản xuất nông nghiệp, không

phải trả tiền thuê đất. Như vậy, căn cứ Điều 13 Luật Đất đai năm 1987 (*có hiệu lực ngày 08/01/1988*) quy định thì UBND cấp xã không có thẩm quyền giao đất.

Ông H căn cứ vào Quyết định giao đất ngày 08/4/1989 của UBND xã K để làm cơ sở xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối phần diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37 tại phường K là không thuộc một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Về quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình ông Phan Văn H: Sau khi được UBND xã giao đất vào năm 1989, gia đình ông H trực tiếp canh tác được một thời gian, sau đó cho người khác sản xuất, trồng rau màu, đến nay thì hiện trạng đất trống.

Như vậy, ông Phan Văn H quản lý, sử dụng đất tại các thửa đất đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37, tại khu phố L là không liên tục, ổn định theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

- Về thiết lập hồ sơ quản lý đất do Nhà nước quản lý: Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T về phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương và Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh B về phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ 37, tọa lạc tại khu phố L, phường K theo đơn khiếu nại của ông Phan Văn H nằm trong danh sách phê duyệt quỹ đất do Nhà nước quản lý.

Từ năm 2003, UBND xã K đã tiến hành làm việc với ông Phan Văn H để xác lập việc quản lý đất công, đến năm 2014 (theo Biên bản làm việc ngày 31/12/2014) và năm 2016 (theo Biên bản làm việc ngày 18/5/2016), UBND phường đã làm việc, thông tin với ông Phan Văn H liên quan đến việc xin cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất nêu trên, ông Phan Văn H đã thống nhất phần diện tích đất khoảng 2.000m² đã cấp cho ông trước đây là do Nhà nước quản lý, xin phép được tiếp tục sản xuất cho đến khi ông qua đời thì trả lại cho Nhà nước. Như vậy, ông Phan Văn H đã thừa nhận phần diện tích ông đang sử dụng là của nhà nước quản lý.

Việc UBND phường K xây dựng hàng rào xung quanh các thửa đất nêu trên là đúng theo quy định tại Điều 24 Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh B về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Ngày 26/5/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 701/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H. Theo đó, tại Điều 1 của Quyết định, có nội dung: "Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu)".

Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu) là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

II. Việc ban hành các quyết định của UBND huyện để thiết lập quản lý các thửa đất.

1. Đối với việc ban hành Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện T về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của UBND xã K đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ 37.

Ngày 12/5/2009, UBND huyện T ban hành Kế hoạch số 925/KH-UBND triển khai thực hiện quản lý quỹ đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng, quỹ đất công ích trên địa bàn huyện.

Ngày 04/5/2011, UBND xã K có Tờ trình số 907/TTr-UBND về việc công nhận quỹ đất công ích trên địa bàn xã K với 203 thửa của 07 tờ bản đồ nhưng trong đó không có các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ 37 vì địa phương đang giải quyết việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H có liên quan đến các thửa đất nêu trên nên không đưa vào danh sách đất công ích do địa phương quản lý.

Ngày 16/5/2012, UBND huyện T ban hành Quyết định số 3433/QĐ-UBND về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của UBND xã K. Theo đó, các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 chưa được phê duyệt vào danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý vì địa phương đang giải quyết việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H có liên quan đến các thửa đất nêu trên nên không đưa vào danh sách đất công ích do địa phương quản lý.

2. Đối với việc ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T.

Ngày 12/01/2021, UBND thị xã ban hành Thông báo số 16/TB-UBND về về ý kiến kết luận của ông Đoàn Hồng T1 – Chủ tịch UBND thị xã tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình rà soát quỹ đất công, đất công ích; giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc đo đạc, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục chuyển quyền sử dụng đất đối với các trường hợp Giấy chứng nhận không tiếp giáo đường nhưng hiện trạng có tiếp giáp đường. Trong đó, có nội dung: *"Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã – phường tập trung chỉ đạo rà soát kỹ quỹ đất công, đất công ích trên địa bàn quản lý (bao gồm đất thuộc diện 188)"*. Căn cứ Thông báo nêu trên, UBND các xã - phường đã có Báo cáo tình hình quản lý quỹ đất công, đất công ích gửi về UBND thị xã T.

Ngày 07/4/2021, UBND thị xã T ban hành Thông báo số 160/TB-UBND về ý kiến kết luận của ông Đoàn Hồng T1 – Chủ tịch UBND thị xã tại cuộc họp nghe báo cáo kết quả rà soát quỹ đất công, đất công ích. Trong đó, có nội dung: *"Yêu cầu UBND các xã – phường rà soát lại lần cuối danh sách, diện tích đất*

công, đất công ích đang quản lý. Trường hợp thống nhất với số liệu tại Báo cáo số 87/BC-PTNMT ngày 26/3/2021 thì thông báo cho Phòng T3 *được biết; nếu có thay đổi thông tin thì tổng hợp số liệu gửi lại Phòng Tài nguyên và Môi trường…".*

Ngày 16/6/2021, UBND thị xã tiếp tục ban hành Thông báo số 408/TB-UBND về ý kiến kết luận của ông Đoàn Hồng T1 – Chủ tịch UBND thị xã tại cuộc họp nghe báo cáo kết quả thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND thị xã; thông qua dự thảo kế hoạch giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lỹ công trên địa bàn thị xã, có nội dung: *"c. Giao Phòng Tài nguyên – Môi trường tiếp tục phối hợp Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã và UBND các xã – phường tham mưu UBND thị xã báo cáo Ban Thường vụ Thị ủy về công tác quản lý đất công, đất công ích trên địa bàn thị xã. Sau khi Ban Thường vụ thông qua, yêu cầu* Phòng T3 *tham mưu UBND thị xã ban hành quyết định công nhận quỹ đất công, đất công ích trên địa bàn và tham mưu UBND thị xã văn bản kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018".*

Ngày 02/7/2022, Thị ủy T4 đã ban hành Chỉ thị số 16-CT/TU về tăng cường công tác quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã.

Trên cơ sở báo cáo rà soát, bổ sung của UBND các xã-phường và đối chiếu quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh B về ban hành quy định về quản lý và sử dụng đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương có nội dung: "*UBND cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định phê duyệt danh mục quỹ đất công cho UBND cấp xã để quản lý, sử dụng và gửi về* Sở T5 *để theo dõi quản lý...";* Ngày 30/6/2021, Phòng T3 đã có Tờ trình số 310/TTr-PTNMT, trình UBND thị xã ban hành Quyết định về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Theo đó, ngày 19/7/2021, UBND thị xã T đã ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T.

Từ các nội dung nêu trên, UBND thị xã T đã ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã là đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh B. Đồng thời, trước khi ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND cũng đã được UBND các xã – phường báo cáo gửi về UBND thị xã.

3. Về ý kiến đối với các yêu cầu của người khởi kiện (theo Thông báo số 65/2023/TLST-HC ngày 04/10/2023 của TAND tỉnh Bình Dương)

Đối với yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm: Hủy Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã và hủy Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện T. Hiện nay, Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T thay thế các Quyết

định công nhận, điều chỉnh quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng trên địa bàn các xã – phường do UBND huyện T đã ban hành trước đây (trong đó, có Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của UBND xã K đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ 37).

Xét thấy, Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã ban hành đảm bảo, phù hợp quy định pháp luật. Do đó, UBND thành phố đề nghị TAND tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

* *Tại Văn bản trình bày ý kiến số 441/UBND-NC ngày 25/10/2023 người bị kiện* UBND phường K *trình bày*:

1. Tiếp nhận đơn

Ngày 16/01/2023, cán bộ tiếp công dân phường nhận được đơn khiếu nại của ông Phan Văn H; sinh năm: 1955; địa chỉ: khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Nội dung khiếu nại: khiếu nại hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường K đối với hành vi chiếm giữ trái phép tài sản và không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với phần đất có diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587 tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thị xã (nay là T, tỉnh Bình Dương.

2. Kết quả giải quyết của UBND phường

Ông Phan Văn H khiếu nại UBND phường không thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2000 m² các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37 thuộc khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

* Nguồn gốc, quá trình quản lý: Các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37, diện tích: 3.792,2 m², ông Phan Văn H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là do trước đây Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K thu hồi theo Quyết định số 188/CP ngày 25 tháng 9 năm 1976 của Hội đồng Chính phủ về chính sách xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân phong kiến ở miền N Việt Nam sau 30 tháng 4 năm 1975. Sau khi tiếp quản, thu hồi giao cho đội du kích của xã (nay là phường) trực tiếp quản lý, sản xuất nuôi quân. Đến năm 1987, thực hiện chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán đến nhóm và người lao động, Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) thông qua tập đoàn C1 đã khoán đất này cho các tập đoàn viên trong tập đoàn nhận khoán để sản xuất. Đến cuối năm 1988 tập đoàn sản xuất làm ăn không có hiệu quả nên giải tán, UBND xã (nay là phường) Khánh Bình tiếp tục quản lý phần đất này.

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ đất trên và tạo điều kiện cho người dân có ruộng đất sản xuất ổn định cuộc sống, Chi ủy Chi bộ xã (nay là phường) K đã có cuộc họp vào ngày 28/3/1989 để quyết định việc sử dụng quỹ đất công

ích, sau khi tiếp nhận lại từ Tập đoàn C1. Cuộc họp đã thống nhất chủ trương như sau:

- Đối với hộ gia đình chính sách (hộ gia đình thương binh liệt sĩ, người có công, cán bộ tham gia kháng chiến, gia đình bộ đội tại ngũ) hộ nghèo, khó khăn có nhu cầu cần đất ruộng để sản xuất ổn định cuộc sống. Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) sẽ cho thuê đất ruộng để sản xuất, không phải trả tiền thuê đất hàng năm mà chỉ phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm đối với Nhà nước.

- Đối với hộ không thuộc diện gia đình chính sách, hộ nghèo, kinh tế khó khăn có nhu cầu cần đất ruộng để sản xuất Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) sẽ cho thuê, có thu tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê và phải đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp hàng năm đối với Nhà nước.

- Thời hạn thuê đất của 02 đối tượng trên là 15 năm (mười lăm năm) và chỉ giải quyết cho thuê đối với hộ gia đình, cá nhân là tập đoàn viên của tập đoàn S trước đây.

Thực hiện nội dung cuộc họp trên, Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K tiến hành cho thuê đất như sau: cho thuê quyền sử dụng đất ruộng mà không phải trả tiền thuê đất, chỉ phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp hàng năm gồm 04 hộ trong đó có hộ ông Phan Văn H gia đình thương binh được thuê 20 sào đất ruộng, khoảng 2000 m².

Đến năm 2003, UBND xã (nay là phường) Khánh Bình tiếp tục mời các hộ dân có nhu cầu thuê đất để sản xuất nông nghiệp trong đó có hộ ông Phan Văn H để ký hợp đồng thuê đất, riêng hộ ông Phan Văn H không ký hợp đồng thuê đất (thời hạn hợp đồng là 05 năm). Đến cuối năm 2008, UBND xã (nay là phường) tiếp tục giao lại phần đất này cho Ban C (nay là phường) K tăng gia sản xuất cho đến nay.

* Quá trình sử dụng đất của ông Phan Văn H:

Trên cơ sơ nội dung cuộc họp ngày 28/3/1989, theo đơn xin đất ruộng để sản xuất của ông H ngày 13/8/1988, xét thấy ông Phan Văn H là thương binh, người có công với nước và hoàn cảnh gia đình khó khăn, UBND xã (nay là phường) K đã xét cấp cho ông 20 sào đất ruộng tương ứng 2.000m² để sản xuất nông nghiệp, nuôi sống bản thân cùng gia đình. Ông H không phải trả tiền thuê đất hàng năm mà chỉ phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm đối với Nhà nước.

Sau khi thuê đất, ông H tiếp tục sản xuất nông nghiệp; khoảng năm 1998 đến năm 2005, ông H cho ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1969, ngụ tại khu phố L) thuê đất để sản xuất nông nghiệp (làm ruộng), tiền thuê đất được quy đổi số lượng lúa trên năm. Sau năm 2005, ông N không còn thuê đất nên trả lại đất cho ông H, sau đó không có ai sản xuất, canh tác. Năm 2008, ông Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1974, ngụ tại khu phố L) thuê đất của ông H để trồng lúa, hoa màu, ông Đ1 thuê đất nhưng không có trả tiền thuê, đến năm 2011 ông Đ1 không còn canh tác trên phần đất này, các thửa đất này là đất trống, không có ai canh tác. Năm 2019, ông

Nguyễn Thanh H2 (sinh năm 1969, tạm trú tại khu phố K) thuê đất của ông H2 để trồng hoa màu (cây cà bắp), đến năm 2020 thì trả lại; hiện trạng các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37 từ năm 2020 đến nay là đất trống.

* Kết quả giải quyết trước đây

Ngày 23/8/2012, ngày 28/12/2012, UBND xã (nay là phường) K có tiếp nhận nhận đơn kiến nghị về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H, ngụ tại ấp (nay là khu phố), xã (nay là phường) Khánh Bình đối với phần đất có diện tích 3.408 m² gồm các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 581, 582, 583, 584, 586, 587, tờ bản đồ số 37.

Trên cơ sở Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H. Ngày 01 tháng 7 năm 2013, Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K có Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 01/7/2013 về kết quả thẩm tra, giải quyết đơn kiến nghị của ông H. Theo nội dung kết luận tại Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 01/7/2013 thì UBND xã (nay là phường) K đã xét cấp cho ông H 20 sào đất ruộng, tương ứng 2000 m², diện tích thực tế hiện nay là 3.408 m². Do đó, UBND xã (nay là phường) xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông với phần diện tích 1.408 m², phần còn lại tiếp tục đưa vào quỹ đất công ích của xã (nay là phường). (kèm theo Báo cáo)

Trên cơ sở đề xuất của UBND phường về việc giải quyết yêu cầu cấp giấy chứng nhận QSDĐ của ông Phan Văn H. Ngày 26 tháng 7 năm 2016, Ban chấp hành Đảng ủy phường có cuộc họp nghe UBND phường thông qua báo cáo kết quả giải quyết đơn của ông H gồm các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 581, 582, 583, 584, 586, 587, tờ bản đồ số 37.

Ban chấp hành Đảng ủy phường K có ý kiến kết luận như sau:

- Ban chấp hành thống nhất việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H tại Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 01/7/2013 của UBND xã K (nay là phường K), lý do đây là phần đất do ông khai hoang phục hóa thêm không nằm trong phần đất UBND xã K giao cho ông sản xuất nông nghiệp trước đây, diện tích 1256,9 m² (diện tích sau khi đo đạc thực tế) thuộc các thửa đất số 581, 582, 583, 584, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại khu phố L, phường K.

- Ban chấp hành Đảng ủy không thống nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 100 m² nằm ngoài phần đất mà ông khai hoang (thuộc thửa đất số 571, tờ bản đồ số 37) là ao nước hiện ông H không sử dụng mà lực lượng quân sự phường đang sử dụng, UBND phường đang quản lý.

- Đối với diện tích 2.133,2 m² thuộc các thửa 586, 572, 573, 574, 576, tờ bản đồ số 37 ông H xin mượn đất để sản xuất đến khi chết là không có cơ sở xem xét, trên cơ sở căn cứ Công văn số 1921/UBND-KTN ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh B về việc cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất công ích trên địa bàn tỉnh.

* Kết quả giải quyết đơn từ năm 2022:

Ngày 14/3/2022; ngày 22/7/2022; ngày 30/9/2022, UBND phường K tiếp tục nhận đơn kiến nghị của ông Phan Văn H và các văn bản của Ban tiếp công dân thị xã T gửi về với nội dung kiến nghị xem xét, giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H đối với các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37, diện tích khoảng 2000 m². UBND phường đã tiến hành thẩm tra, xác minh đối chiếu các hồ sơ giải quyết trước đây; đối chiếu hồ sơ quản lý đất công, đất công ích được trữ tại UBND phường (sổ mục kê, sổ địa chính), quyết định công nhận quỹ đất công do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành thì các thửa đất nói trên thuộc quỹ đất công (đất công ích) do UBND phường quản lý.

Bên cạnh đó, UBND phường đã ban hành các văn bản về việc trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của ông Phan Văn H gồm có Thông báo số 161/TB-UBND ngày 26/5/2022; Báo cáo số 260/BC-UBND ngày 19/8/2022. Các văn bản trả lời đều được gửi trực tiếp cho ông Phan Văn H.

Ngày 11/10/2022, UBND phường tiếp tục mời ông Phan Văn H để làm việc về nội dung phản ánh UBND phường không xem xét lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Tại buổi làm việc, một lần nữa, UBND phường đã giải thích rõ cho ông H biết về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37 là đất công ích do UBND phường quản lý được công nhận theo Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên. Do đó, việc yêu cầu cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nêu trên là không đủ cơ sở, điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, ông Phan Văn H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện thực tế là 3.792,2 m² thuộc các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37, có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã K nay là phường K tiếp quản, quản lý từ sau năm 1975 và được công nhận là đất công theo Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 và Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) T, hiện nay lực lượng quân sự phường đang sử dụng để tăng gia sản xuất. Ngoài ra, theo Biên bản làm việc ngày 18/5/2016, ông Phan Văn H có trình bày ý kiến: đối với phần diện tích đất thuộc các thửa đất nói trên UBND xã (nay là phường) Khánh Bình cho ông canh tác khoảng 20 sào thì ông xin tiếp tục sử dụng đến khi ông qua đời thì trả lại phần đất này cho UBND phường quản lý. Do đó, việc ông Phan Văn H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

UBND phường K không thực hiện các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2000 m² thuộc các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586, 587, tờ bản đồ số 37 thuộc khu phố L cho ông Phan Văn H là đúng theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả đối thoại năm 2023

Ngày 23/02/2023, Chủ tịch UBND phường đối thoại với ông Phan Văn H.

Tại buổi đối thoại ông Phan Văn H không cung cấp thêm chứng cứ gì cho UBND phường K ngoài những chứng cứ đã cung cấp trước đây và vẫn giữ nguyên nội dung khiếu nại và yêu cầu ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Qua các ý kiến của những người tham gia buổi đối thoại. Chủ tịch UBND phường, Chủ trì buổi đối thoại đã bát ý kiến khiếu nại của ông Phan Văn H và kết luận khiếu nại của ông Phan Văn H là khiếu nại sai.

Ngày 27/02/2023 Chủ tịch UBND phường K đã ban hành Quyết định 124/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông Phan Văn H và bàn giao Quyết định cho ông Phan Văn H vào ngày 28/02/2023.

4. Ý kiến của UBND phường K

Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu).

** Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà* Phan Thị L*) trình bày:*

Bà Phan Thị L là vợ ông Phan Văn H, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều: 30, 32, 116, 134, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Văn H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của UBND xã K đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương**.**

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu).

- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H (lần hai).

- Một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương đối với các thửa đất số 572, 573,

574, 576, 586, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 02/5/2024, người khởi kiện ông Phan Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không gửi ý kiến về việc kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm do về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm đều đã tuân thủ quy định về tố tụng, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, ông Phan Văn H yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện T về việc công nhận

quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của UBND xã K đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (sau đó ông H rút lại yêu cầu khởi kiện này); huỷ các quyết định sau:

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu).

- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H (lần 2).

- Một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T (nay là thành phố T) về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Xét, ông H đề nghị cấp GCNQSD đất có tổng diện tích thực tế là 3.792,2m² thuộc các thửa đất số 571, 572, 573, 574, 576, 586 và 587 thuộc tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đất này có nguồn gốc do UBND xã K tiếp quản, quản lý từ sau năm 1975 và được công nhận là đất công theo Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 và Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T, hiện nay lực lượng quân sự phường K đang sử dụng để tăng gia sản xuất. Ngoài ra, đối với phần diện tích đất thuộc các thửa đất nói trên UBND xã K cho phép ông H canh tác khoảng 20 sào, ông xin tiếp tục sử dụng đến khi qua đời sẽ trả lại phần đất này cho UBND phường quản lý. Do đó, việc ông H đề nghị cấp GCNQSD đất đối với các thửa đất nêu trên, tờ bản đồ số 37 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. UBND phường K không thực hiện các thủ tục đề nghị cấp GCNQSD đất đối với các thửa đất do ông H yêu cầu là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại buổi đối thoại ông H không cung cấp thêm chứng cứ gì cho UBND phường K ngoài những chứng cứ đã cung cấp trước đây và vẫn giữ nguyên nội dung khiếu nại và yêu cầu ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Qua các ý kiến của những người tham gia buổi đối thoại và kết quả của buổi làm việc thì khiếu nại của ông H là không có cơ sở.

Tại buổi đối thoại ngày 19/5/2023, Lãnh đạo UBND thành phố T và các thành viên tham dự đã giải thích cho ông H hiểu về việc khiếu nại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về giải quyết đơn khiếu nại của ông H và yêu cầu thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất đối với diện tích 2.000m² thuộc các thửa số 571, 572, 573, 574, 576, 586 và 587 thuộc tờ bản đồ số 37 cho ông H là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Trường hợp ông H không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố T thì có quyền khởi kiện theo quy định. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu và nội dung khiếu nại. Về yêu cầu huỷ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND xã K là không có cơ sở xem xét, giải quyết vì Chủ tịch UBND xã K đã thụ lý, tiến hành xác minh, tổ chức đối thoại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Đối với yêu cầu UBND xã K trả lại cho ông quyền sử dụng đối với phần diện tích 2.000m² thuộc các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 thuộc tờ bản đồ số 37 tại Phường K (giảm 02 thửa 571 và 587 do khai nhầm với thửa đất liền kề của ông Mai Văn Q) và thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở để xem xét, giải quyết vì các thửa đất này có nguồn gốc từ việc Nhà nước thu hồi đất của chế độ cũ và đưa vào tập đoàn. Sau khi tập đoàn giải thể, UBND xã tiếp tục quản lý đến khi có phê duyệt vào danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý theo Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T. Căn cứ Đơn xin giao đất ngày 13/8/1988 và cuộc họp Chi ủy Chi bộ xã K ngày 28/3/1989 (không có cơ sở chứng minh mà chỉ ghi trên Quyết định), xét thấy hoàn cảnh khó khăn của gia đình ông H, bản thân ông H là thương binh, ngày 08/4/1989, UBND xã K đã ban hành Quyết định giao 20 sào đất cho ông H sản xuất nông nghiệp, không phải trả tiền thuê đất. Căn cứ Điều 13 Luật Đất đai năm 1987 thì UBND cấp xã không có thẩm quyền giao đất.

Qua Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của TAND tỉnh Bình Dương đã xác định tại thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 thuộc tờ bản đồ số 37 tại phường B, Thành phố T ghi nhận xung quanh có lưới rào B40 do UBND phường K tiến hành rào vào năm 2020. Trên đất không có cây trồng, tài sản (đất ruộng bỏ trống), hiện UBND phường quản lý. Các trình bày của ông H và thực tế sử dụng cho thấy ông H đã không quản lý, sử dụng các thửa đất này một cách liên tục, ổn định theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T về phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T và Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh B thì các thửa đất nói trên theo đơn khiếu nại của ông H nằm trong danh sách phê duyệt quỹ đất do Nhà nước quản lý.

Từ năm 2003, UBND xã K đã tiến hành làm việc với ông H để xác lập việc quản lý đất công, đến năm 2014 (theo Biên bản làm việc ngày 31/12/2014) và năm 2016 (theo Biên bản làm việc ngày 18/5/2016), UBND phường đã làm việc, thông tin với ông H liên hệ việc xin cấp GCNQSD đất đối với các thửa đất nêu trên, ông H đã thống nhất phần diện tích đất khoảng 2.000m² đã cấp cho ông trước đây do Nhà nước quản lý, xin phép được tiếp tục sản xuất cho đến khi ông qua đời thì trả lại cho Nhà nước. Như vậy, ông H đã thừa nhận phần diện tích ông đang sử dụng là đất Nhà nước quản lý và ông chỉ là người canh tác nhờ trên đất.

Việc UBND phường K xây dựng hàng rào xung quanh các thửa đất nêu trên là đúng theo quy định tại Điều 24 Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh B về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Qua rà soát, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 về việc bãi bỏ Quyết định 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đến ngày 26/5/2023, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 701/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông H, tại Điều 1 có nội dung: "*Công nhận và giữ nguyên Quyết định số*

124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K *về việc giải quyết khiếu nại của ông* H *(lần đầu)*". Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông H là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H xác định các quyết định của UBND là đúng, không cần thiết khởi kiện. Ông H chỉ yêu cầu được sử dụng đất đến khi mất sẽ trả lại cho UBND thành phố T.

Theo phân tích trên, các văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện là Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K; Quyết định giải quyết khiếu nại số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND thành phố T; Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND thị xã T; Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T liên quan đến các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586 thuộc tờ bản đồ số 37 toạ lạc tại khu phố L, phường K được ban hành là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Ông Phan Văn H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm với lý do đã xét xử không khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ông. Tuy nhiên, như đã phân tích, nguồn gốc đất ông H yêu cầu được cấp GCNQSD đất là đất do Nhà nước quản lý. Ngoài ra, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm ông H không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Xét quá trình tiến hành tố tụng và kết quả giải quyết của cấp sơ thẩm là đúng quy định nên Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông Phan Văn H là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ:

Các điều: 30, 32, 116, 134, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Văn H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của UBND xã K đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND phường K về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn H (lần đầu).

- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn H (lần hai).

- Một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương đối với các thửa đất số 572, 573, 574, 576, 586, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Văn H được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ